

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 488/2026/HNST ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thủy T, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 072191xxxx61 cấp ngày xx/xx/xxxx;

Bị đơn: Ông Trần Quốc L, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 075090xxxx88 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Cùng địa chỉ: L, Khu phố x, phường B, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Phạm Thị Thủy T, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 072191xxxx61 cấp ngày xx/xx/xxxx;

- Ông Trần Quốc L, sinh ngày xx/xx/xxxx,

CCCD số 075090xxxx88 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Cùng địa chỉ: L, Khu phố x, phường B, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thủy T và ông Trần Quốc L thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 446/2015, Quyền số 03/2015 ngày 16/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Lo, tỉnh B (nay là xã Lo), Thành phố H chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phạm Đại Q, sinh ngày 19/7/2016. Ông Trần Quốc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà T do ông L không yêu cầu.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

2.4. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

3. Về án phí: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà Phạm Thị Thủy T tự nguyện nộp, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012834 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T đã nộp đủ án phí.

Hoàn cho bà Phạm Thị Thủy T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu nêu trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS TP. H;
- UBND phường L,
Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N

